

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ninh Văn Trung.

Ông Ngô Đức Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Thế A, sinh năm 2000; trú tại thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 2000; trú tại thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2022, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Trịnh Thế A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau từ ngày 06/02/2020. Trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu tình cảm hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 10 năm 2021. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Vì vậy chị C đã bỏ đi sống ly thân anh từ tháng 10 năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Trịnh Quốc C, sinh ngày 11-9-2020, hiện con chung đang sống cùng anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, chị Nguyễn Thị C trình bày:*

Chị và anh Trịnh Thế A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 02-6-2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn Lương, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã. Mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Chị đã bỏ về nhà ngoại sống ly thân anh Thế A, nhưng anh Thế A không đến nói chuyện đón chị về nên vợ chồng không còn liên lạc, hỏi thăm, quan tâm đến nhau. Nay anh Thế A xin ly hôn, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn anh Thế A.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Trịnh Quốc C, sinh ngày 11-9-2020. Hiện con chung đang sống cùng anh Thế A. Nay ly hôn, chị nhất trí để anh Thế A tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định do vợ chồng chung sống thời gian ngắn nên chưa có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trịnh Thế A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị C và xin nhận nuôi con chung của vợ chồng. Bị đơn chị Nguyễn Thị C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của chị C tại phiên tòa, anh Thế A không có ý kiến gì về lời trình bày của chị C.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trịnh Thế A được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Giao anh Trịnh Thế A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trịnh Quốc C, sinh ngày 11-9-2020.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ: Anh Trịnh Thế A trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc anh Thế A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trịnh Thế A có đơn xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị C. Bị đơn chị Nguyễn Thị C có hộ khẩu thường trú tại thôn Lường, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị C theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị Nguyễn Thị C vẫn có hộ khẩu tại thôn Lường, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị C vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị C.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Anh Trịnh Thế A kết hôn với chị Nguyễn Thị C trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh chị chung sống đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4] Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Trịnh Thế A và chị Nguyễn Thị C là hợp pháp. Hiện nay anh Trịnh Thế A và chị Nguyễn Thị C không còn sống chung cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các

công việc trong gia đình nhưng cả anh Trịnh Thế A và chị Nguyễn Thị C đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trịnh Thế A và chị Nguyễn Thị C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Trịnh Thế A được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

[5] Về con chung: Anh Trịnh Thế A và chị Nguyễn Thị C có một con chung là Trịnh Quốc C, sinh ngày 11-9-2020. Hiện con chung đang sống cùng anh Trịnh Thế A, phát triển bình thường, khỏe mạnh. Anh Thế A có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị C không có mặt tại gia đình, không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Chị Nguyễn Thị C cũng nhất trí để con chung cho anh Thế A tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự cũng như để đảm bảo quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là cháu Trịnh Quốc C, sinh ngày 11-9-2020 cho anh Trịnh Thế A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Trịnh Thế A không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Trịnh Thế A và chị Nguyễn Thị C cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Trịnh Thế A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Thế A được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Giao con chung là Trịnh Quốc C, sinh ngày 11-9-2020 cho anh Trịnh Thế A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc

đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung do anh Trịnh Thế A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**3. Về án phí:** Anh Trịnh Thế A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Thế A đã nộp đủ 300.000 đồng tiền án phí theo biên lai thu số 0010631 ngày 01/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Khoản tiền này được chuyển thành án phí, anh Thế A không phải nộp án phí nữa.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn anh Trịnh Thế A được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị C không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Lương Thị Ngọc Hà**